

DOI: 10.58490/ctump.2024i80.2510

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SẢN PHẨM NHỰA DÙNG MỘT LẦN VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở NGƯỜI DÂN TẠI QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2023

Trần Tú Nguyệt*, Lê Thành Tài, Lâm Nhựt Anh, Phan Thị Trung Ngọc

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: ttnguyet@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 19/4/2024

Ngày phản biện: 10/8/2024

Ngày duyệt đăng: 25/9/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sự ưa chuộng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần trong cuộc sống thường ngày tăng cao, số lượng nhựa sẽ tăng gấp hai lần vào năm 2030, dẫn đến một loạt các vấn đề về môi trường và sức khỏe. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ sử dụng đồ nhựa dùng một lần và tìm hiểu một số yếu tố liên quan của người dân tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 602 người dân tại Thành phố Cần Thơ bằng bộ câu hỏi soạn sẵn. **Kết quả:** Đồ nhựa dùng một lần được sử dụng nhiều nhất là túi nilon (96,2%). Lý do sử dụng vì nhỏ gọn và thuận tiện (71,3%), phổ biến và dễ tìm mua (48,3%), giá rẻ (38,7%). 15,1% người dân có thực hiện tái sử dụng sau khi sử dụng. Chỉ có 34,9% người dân thực hành đạt về sử dụng đồ nhựa dùng một lần. Các yếu tố liên quan gồm: trình độ học vấn, mối quan tâm, có khu thu gom rác thải tại địa bàn ($p \leq 0,05$). **Kết luận:** Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thực hành đạt về sử dụng đồ nhựa dùng một lần chưa cao. Nâng cao kiến thức, mối quan tâm của người dân về tác hại của nhựa và tăng cường việc quản lý chất thải nhựa góp phần rất lớn vào công tác giảm thiểu ô nhiễm nhựa.

Từ khóa: Thực trạng, đồ nhựa dùng một lần, sử dụng, thành phố Cần Thơ.

ABSTRACT

THE CURRENT SITUATION OF USING DISPOSABLE PLASTIC PRODUCTS AND SOME RELATED FACTORS AMONG RESIDENTS IN O MON DISTRICT, CAN THO CITY IN 2023

Tran Tu Nguyen*, Le Thanh Tai, Lam Nhut Anh, Phan Thi Trung Ngoc

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: The popularity of using disposable plastic products in daily life has increased, the amount of plastic pollution we create is set to double by 2030. It will cause a lot of environmental problems and many potential health risks. **Objectives:** To evaluate the situation of using disposable plastic products and some related factors among people in O Mon district, Can Tho City in 2023. **Materials and methods:** The cross-sectional study was conducted on 602 people living in Can Tho city using a set of pre-prepared questionnaires. **Results:** The disposable plastic products that were used the most were plastic bags (96.2%). The reasons for using disposable plastic products were compact and convenient (71.3%), popular, easy to find (48.3%) and cheap (38.7%). There were 15.1% of people have been re-using their disposable plastic items. People with correct practice using disposable plastic products accounted for 34.9%. Factors affecting practice include: education, concerns about using disposable plastic products and garbage collection area ($p \leq 0.05$). **Conclusion:** People's correct practice of using disposable plastic products was not high. Raising people's awareness about the harmful effects of plastic and plastic waste management contributes to reducing plastic pollution.

Keywords: The current situation, disposable plastic products, use, Can Tho City.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhựa đã trở thành một mối đe dọa xuyên biên giới, các nghiên cứu dự đoán số lượng nhựa sẽ tăng gấp hai lần vào năm 2030. Những dự đoán như vậy có thể trầm trọng hơn do sử dụng quá mức và tiêu thụ sản phẩm nhựa dùng một lần do đại dịch COVID-19 [1]. Người ta ước tính rằng 300 triệu tấn nhựa được sản xuất hàng năm và một nửa là nhựa sử dụng một lần, ước tính có khoảng 12 tỷ tấn rác nhựa trong các bãi rác và môi trường tự nhiên [2]. Hàng năm, có khoảng 2,8 đến 3,1 triệu tấn chất thải nhựa được thải ra trên đất liền, Việt Nam được xem là một nước ô nhiễm nhựa lớn và là một trong những quốc gia chưa quản lý tốt rác thải nhựa [3], [4].

Nhựa là các chất tổng hợp làm từ các polyme hữu cơ. Sản phẩm nhựa sử dụng một lần là các sản phẩm được thiết kế và đưa ra thị trường với chủ đích để sử dụng một lần trước khi thải bỏ ra môi trường [5]. Chúng dễ sử dụng, tiết kiệm, nhẹ, chi phí thấp.

Đi kèm với những tác hại đến môi trường đã được ghi nhận, đồ nhựa dùng một lần (ĐNDML) còn tiềm ẩn rất nhiều mối nguy cơ cho sức khỏe. Chúng chứa các hóa chất gây ung thư, cực kỳ độc hại nếu ăn phải và gây hư hỏng hệ thần kinh, phổi. Những nghiên cứu gần đây còn ghi nhận các hạt vi nhựa đã đi vào cơ thể chúng ta thông qua thủy hải sản và còn có mặt trong hầu hết các loại nước uống đóng chai [6], [7], [8].

Do vậy, việc khảo sát thực trạng sử dụng ĐNDML của người dân là hết sức cần thiết cho sự loại bỏ và phòng chống tác hại của chúng trên cả phương diện môi trường lẫn sức khỏe trong tương lai. Tuy nhiên, cho đến nay các nghiên cứu liên quan đến vấn đề này còn rất hạn chế. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu xác định tỷ lệ thực hành sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ năm 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người dân từ 18 tuổi trở lên tại quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn chọn vào:** Người dân từ 18 tuổi trở lên có thời gian cư trú ít nhất 6 tháng tại quận Ô Môn, TP. Cần Thơ vào thời điểm khảo sát, đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Đối tượng đang mắc các bệnh tâm thần, rối loạn trí nhớ, cảm, di chứng ảnh hưởng giao tiếp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \cdot \frac{P \cdot (1-P)}{d^2}$$

Trong đó: $p=0,587$: Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Thương ở Thành phố Huế năm 2020 với 58,7% người dân có thói quen tái sử dụng đồ nhựa dùng một lần [9]. Với $\alpha = 0,05$ (độ tin cậy 95%) thì $Z=1,96$; $d = 0,04$; Sử dụng hiệu ứng thiết kế (DE) bằng 1,5 do chọn mẫu nhiều giai đoạn; ta được cỡ mẫu $n=553$; cỡ mẫu thực tế thu được là 602.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Áp dụng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn: Bước 1: Chọn 4/7 phường trong quận Ô Môn bằng phương pháp bốc thăm. Bước 2: Tại mỗi phường, bốc thăm 3 khu vực/ấp. Bước 3: Tại mỗi khu vực/ấp, chọn 50 hộ gia đình (HGD). Chọn ngẫu nhiên HGD đầu tiên, các HGD tiếp theo được chọn theo quy luật nhà liền nhà.

Trong mỗi HGD chọn 1 người trong độ tuổi nghiên cứu là người trực tiếp thu gom, xử lý chất thải nhựa dùng một lần của gia đình.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Thu thập dữ liệu dựa trên bộ câu hỏi soạn sẵn.

Thông tin chung của đối tượng: Tuổi, giới tính, nghề nghiệp, học vấn, tình trạng kinh tế.

Tình hình sử dụng đồ nhựa dùng một lần. Đánh giá thực hành của người dân về sử dụng đồ nhựa dùng một lần dựa trên 5 câu hỏi. Mỗi câu trả lời “Đúng” được tính 1 điểm, tổng điểm đánh giá thực hành là 5 điểm, đối tượng đạt trên 50% số điểm được đánh giá là đạt [10].

Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần: Tuổi, giới tính, học vấn, tình trạng kinh tế, gia đình có trẻ nhỏ dưới 5 tuổi, phụ nữ mang thai, mối quan tâm đến đồ nhựa dùng một lần, kênh thông tin về đồ nhựa dùng một lần, khu thu gom rác thải.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các số liệu thống kê được mô tả bằng bảng tần suất và tỷ lệ phần trăm hoặc biểu đồ; phân tích một số yếu tố liên quan đến sử dụng đồ nhựa dùng một lần bằng phép kiểm χ^2 (Chi square test) khoảng tin cậy 95%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p \leq 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 602 đối tượng là người dân sinh sống trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, trong đó độ tuổi ≥ 30 tuổi chiếm đa số (92,5%), nam giới chiếm 44,2% thấp hơn nữ giới (55,8%). Hầu hết đối tượng trong nghiên cứu chúng tôi là dân tộc Kinh (90,4%). Trình độ học vấn từ Trung học cơ sở là cao nhất (32,5%), tiếp theo là tiểu học (29,1%). Người dân làm ruộng, làm vườn chiếm tỷ lệ cao nhất (32,4%), học sinh/sinh viên chiếm tỷ lệ thấp nhất (2,3%). Tỷ lệ hộ không nghèo chiếm 97,8%.

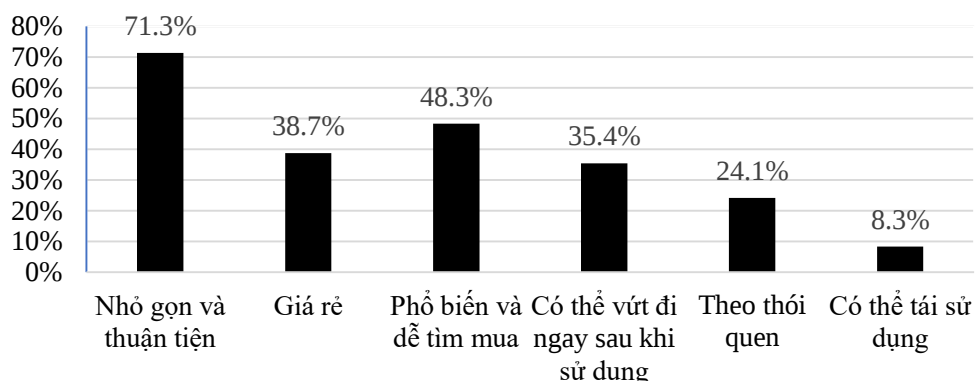
3.1. Tình hình sử dụng đồ nhựa dùng một lần

Bảng 1. Tình hình sử dụng đồ nhựa dùng một lần (n=620)

Nội dung		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Loại ĐNDML thường xuyên sử dụng	Túi nilon	579	96,2
	Chai nhựa	461	76,6
	Hộp nhựa	158	26,2
	Hộp xốp	77	12,8
	Ly nhựa, ống hút nhựa	320	53,2
	Màng bọc thực phẩm	36	6,0
	Chén, đĩa, thìa nhựa	12	2,0
Mục đích sử dụng ĐNDML	Đựng thực phẩm tươi sống	440	73,1
	Đựng thực phẩm chín: nóng, lạnh, lỏng	270	44,9
	Đựng thực phẩm chín: nguội, khô	241	40,0
	Đựng đồ khô (đậu, hạt sen, nấm mèo...)	143	23,8
	Các mục đích khác, ngoại trừ chứa đựng thực phẩm	90	15,0
Số túi nilon bản thân sử dụng trong ngày	Không dùng	12	2,0
	1-2 túi	319	53,0
	3-4 túi	160	26,6
	5 túi trở lên	111	18,4
Thói quen từ chối bớt túi nilon	Luôn luôn từ chối bớt	145	24,1
	Không từ chối	457	75,9
	Vật liệu thủy tinh, sành sứ, kim loại	241	40,0

	Nội dung	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Sản phẩm đã sử dụng thay thế ĐNDML	Túi giấy, Túi vải	38	6,4
	Giỏ nhựa cứng	110	18,3
	Lá chuối, lá dong, tre nứa, vật liệu khác	12	2,0

Nhận xét: Kết quả cho thấy loại ĐNDML mà đối tượng nghiên cứu sử dụng nhiều nhất là túi nilon (96,2%), tiếp theo là chai nhựa (76,6%). Tỷ lệ sử dụng 1-2 túi trong ngày chiếm đến 53%. Mục đích sử dụng ĐNDML của người dân hầu hết là để đựng thực phẩm tươi sống (73,1%). Có 2/3 người dân thường không từ chối bớt túi nilon (75,9%). Đa số người dân sẽ sử dụng vật liệu thủy tinh, sành sứ, kim loại để thay thế ĐNDML (40,0%).



Hình 1. Lý do sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần

Nhận xét: Hình trên cho thấy đối tượng nghiên cứu sử dụng nhiều ĐNDML với lý do các loại ĐNDML nhỏ gọn và thuận tiện (71,3%) chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp theo là do phổ biến, dễ tìm mua (48,3%) và giá rẻ (38,7%).

Bảng 2. Thực hành của người dân về sử dụng đồ nhựa dùng một lần

	Nội dung	Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tần suất sử dụng ĐNDML trong tuần	Hàng ngày	309	51,3
	Trung bình 3 lần/tuần	284	47,2
	Không sử dụng	9	1,5
Thói quen mang dụng cụ chứa thực phẩm khi mua ngoài	Luôn luôn/Thường xuyên mang theo	24	4,0
	Thỉnh thoảng/Hiếm khi có mang theo	144	23,9
	Chưa bao giờ mang theo	434	72,1
Phân loại rác thải ĐNDML	Có	213	35,4
	Không	389	64,7
Xử lý ĐNDML sau khi sử dụng	Tái sử dụng	91	15,1
	Đem đến những nơi có thể tái chế được	80	13,3
	Vứt chung cùng với các loại rác khác, lần sau dùng cái mới	284	47,2
	Đốt	147	24,4
Thu gom chất thải ĐNDML	Tự đi đổ rác tại nơi quy định	189	31,4
	Bỏ rác vào thùng có nắp đậy, chờ người thu gom lại đổ	129	21,4
	Bỏ rác vào thùng không có nắp đậy, chờ người thu gom lại đổ	112	18,6
	Bỏ rác vào túi nilon chờ người đến thu gom	216	35,9
Thực hành chung	Đạt	210	35,9
	Chưa đạt	392	64,1

Nhận xét: Kết quả tỷ lệ thực hành sử dụng ĐNDML đạt là 35,9%. Trong đó, chỉ có 15,1% người dân thực hiện tái sử dụng ĐNDML sau khi sử dụng.

Bảng 3. Mối quan tâm đến sản phẩm nhựa sử dụng một lần (n=602)

Nội dung		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Mối quan tâm đến việc sử dụng ĐNDML	Ảnh hưởng đến sức khỏe	267	44,4
	Ảnh hưởng đến môi trường	143	23,8
	Không quan tâm	242	40,2
Tổng cộng		602	100,0

Nhận xét: Theo kết quả, tỷ lệ đối tượng không quan tâm đến việc sử dụng ĐNDML khá cao (40,2%), ngược lại có 44,4% người dân có quan tâm việc sử dụng ĐNDML có ảnh hưởng đến sức khỏe.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần

Bảng 4. Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần

Biến số		Thực hành sử dụng ĐNDML				OR (KTC 95%)	P
		Đạt		Chưa đạt			
		n	%	n	%		
Tuổi	18-29 tuổi	22	48,9	23	51,1	1,79 (0,97-3,29)	0,059
	≥30 tuổi	194	34,8	363	65,2		
Giới tính	Nam	97	36,5	169	63,5	1,05 (0,75-1,546)	0,79
	Nữ	119	35,4	217	64,6		
Trình độ học vấn	THPT trở lên	66	45,8	78	54,2	1,74 (1,19-2,54)	0,004
	THCS trở xuống	150	32,8	308	67,2		
Tình trạng kinh tế	Hộ không nghèo	212	36,0	377	64,0	1,26 (0,38-4,16)	0,698*
	Hộ nghèo, cận nghèo	4	30,8	9	69,2		
Gia đình có trẻ em dưới 5 tuổi	Có	34	33,7	67	66,3	0,89 (0,57-1,39)	0,611
	Không	182	36,3	319	63,7		
Gia đình có phụ nữ mang thai	Có	3	27,3	8	72,7	0,67 (0,17-2,53)	0,548*
	Không	213	36,0	378	64,0		
Mối quan tâm đến việc sử dụng ĐNDML	Có ảnh hưởng sức khỏe và môi trường	144	40,0	216	60,0	1,57 (1,11-2,23)	0,01
	Không quan tâm	72	29,8	170	70,2		
Sự cần thiết của việc thu gom và xử lý chất thải	Cần thiết	200	36,3	351	63,7	1,25 (0,67-2,31)	0,483
	Không cần thiết	16	31,4	35	68,6		
Kênh thông tin nghe về ĐNDML	Có	36	36,0	64	64,0	1,01 (0,64-1,57)	0,978
	Không	180	35,9	322	64,1		
Khu thu gom rác thải ĐNDML	Có	44	63,8	25	36,2	3,69 (2,19-6,23)	<0,001
	Không	172	32,3	361	67,7		

Nhận xét: Nghiên cứu của chúng tôi tìm thấy yếu tố liên quan đến thực trạng thực hành sử dụng ĐNDML đạt là trình độ học vấn của đối tượng (OR=1,74), mối quan tâm đến việc sử dụng ĐNDML (OR=1,57) và có khu thu gom rác thải ĐNDML tại địa phương (OR=3,69).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tình hình sử dụng đồ nhựa dùng một lần

Qua kết quả nghiên cứu, loại ĐNDML mà đối tượng nghiên cứu sử dụng nhiều nhất là túi nilon (96,2%), tiếp theo là chai nhựa (76,6%). Kết quả này tương tự với tác giả Nguyễn Thị Minh Thương, loại ĐNDML mà người dân thường xuyên sử dụng nhất là túi nilon (92,8%) [9]. Nghiên cứu này khác với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Trường Thành tại Cần Thơ năm 2022, các sản phẩm bằng nhựa như chai nước rửa chén, chai dầu gội, sữa tắm và túi nhựa chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 80%) [11]. Kết quả cho thấy lý do sử dụng ĐNDML phổ biến là vì nhỏ gọn và thuận tiện (71,3%), phổ biến và dễ tìm mua (48,3%) và giá rẻ (38,7%). Nghiên cứu tại quận Karnataka của tác giả Habeena Shaira và nghiên cứu của tác giả Maria cũng có kết quả tương tự [12], [13]. Sản phẩm nhựa dễ sử dụng, tiết kiệm, nhẹ, chi phí thấp đã thúc đẩy nhu cầu hàng năm trên toàn thế giới, đã trở thành một vật dụng trong sinh hoạt hàng ngày của mọi người và nó chiếm lượng lớn nhất trong số rác thải hàng ngày của các hộ gia đình.

Mục đích sử dụng ĐNDML của người dân hầu hết là để đựng thực phẩm tươi sống (73,1%). Phần lớn các cửa hàng, nhà bán lẻ, quầy hàng, chợ ẩm thực,... cung cấp túi nhựa, hộp xốp cho khách hàng của họ. Có 75,9% người dân không từ chối bớt túi nilon. Kết quả này ngược lại với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Minh Thương, phần lớn đối tượng sẽ từ chối (64%) [9]. Đa số người dân sẽ sử dụng vật liệu thủy tinh, sành sứ, kim loại để thay thế ĐNDML, các sản phẩm như túi giấy, túi vải, lá chuối,... chỉ có khoảng 9% đối tượng sử dụng. Vật dụng bằng thủy tinh, sành sứ, kim loại rất phổ biến và giá cả cũng khá hợp lý so với mức sống của người dân trong khi túi vải thì lại có giá thành đắt hơn.

Nghiên cứu cho thấy chỉ có 4,0% đối tượng luôn/thường xuyên mang theo các dụng cụ chứa thực phẩm khi đi mua đồ ăn, thức uống bên ngoài. Tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Vũ Thái Sơn, có 65,9% thỉnh thoảng mang theo [10]. Điều này có thể là do người dân cảm thấy bất tiện khi mang theo cả mèn, tô chén,... khi mua thức ăn từ bên ngoài. Tỷ lệ thực hành chung của người dân về sử dụng ĐNDML đạt 35,9%. Kết quả này tương đương với tác giả Nguyễn Thị Minh Thương (35,4%) và thấp hơn nhiều so với tác giả Vũ Thái Sơn (42,4%) [9], [10].

Về tỷ lệ tái sử dụng ĐNDML, nghiên cứu cho thấy tỷ lệ người dân tái sử dụng ĐNDML chỉ 15,1%. Kết quả của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Trường Thành (52,5%) và Nguyễn Thị Minh Thương (58,7%) [9], [11]. Mặc dù việc tái sử dụng ĐNDML đã là một thói quen từ lâu của rất nhiều người, nhưng người dân ngày càng có ý thức hơn về việc tái sử dụng đồ nhựa có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, cùng với mức sống ngày càng cao khiến họ cảm thấy việc lưu giữ ĐNDML để tái sử dụng có thể gây mất thẩm mỹ và không cần thiết. Nghiên cứu cũng cho thấy người dân dần có mối quan tâm đến sử dụng ĐNDML ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng đến môi trường (lần lượt là 44,4% và 23,3%), có trên 90% người dân có nhận thức sự cần thiết của việc thu gom và xử lý chất thải. Tuy nhiên, tỷ lệ đối tượng không quan tâm đến việc sử dụng ĐNDML vẫn còn cao.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các đội có trình độ học vấn từ THPT trở lên và nhóm còn lại ($p < 0,05$). Tác giả Nguyễn Thị Minh Thương và Habeena Shaira cũng tìm thấy mối tương quan thuận chiều giữa kiến thức và thực hành [9], [12]. Điều này có thể hiểu rằng người có trình độ học vấn càng cao thì nhận thức của họ về tác hại của việc sử dụng ĐNDML đến sức khỏe sẽ càng tốt, nên sẽ có thực hành tốt hơn để phòng chống tác hại của ĐNDML. Ý thức của cộng đồng là một trong những yếu tố quan trọng để

giảm thiểu ô nhiễm nhựa. Nghiên cứu cho thấy người dân có mối quan tâm đến việc sử dụng ĐNDML có tỷ lệ thực hành đạt (40,0%) cao hơn so với người không quan tâm (29,8%). Mặt khác, địa phương có khu thu gom rác thải ĐNDML cũng có mối liên quan đến tỷ lệ thực hành của người dân. Một nghiên cứu của tác giả Heide Kerber tại đảo Phú Quốc cũng cho thấy mức tiêu thụ nhựa nhiều và cơ sở hạ tầng xử lý rác thải không được trang bị đầy đủ khiến tình trạng ô nhiễm ngày càng trở nên rõ ràng [14]. Công tác quản lý chất thải nhựa, đặc biệt là việc thu gom chưa được thực hiện đồng bộ ảnh hưởng đến cách xử lý rác thải của người dân.

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân thường xuyên sử dụng túi nilon (96,2%) và chai nhựa (76,6%) với các lý do là nhỏ gọn, thuận tiện, phổ biến, dễ tìm mua, giá rẻ, chỉ có 15,1% người dân thực hiện tái sử dụng đồ nhựa. Kết quả có 34,9% người dân tại thành phố Cần Thơ thực hành đạt về sử dụng đồ nhựa dùng một lần. Nghiên cứu tìm thấy sự khác biệt tỷ lệ thực hành đạt về sử dụng đồ nhựa dùng một lần giữa trình độ học vấn từ THPT trở lên và THCS trở xuống, người dân có quan tâm đến môi trường và sức khỏe, có khu thu gom rác thải tại địa bàn. Điều này cho thấy nâng cao kiến thức, nhận thức của người dân và tăng cường việc quản lý chất thải nhựa góp phần rất lớn vào công tác giảm thiểu ô nhiễm nhựa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. L. Patrício Silva, J. C. Prata, T. R. Walker, A. C. Duarte, W. Ouyang, D. Barcelò, et al. Increased plastic pollution due to COVID-19 pandemic: Challenges and recommendations. *Chemical engineering journal (Lausanne, Switzerland: 1996)*. 2021. 405, 126683, doi: 10.1016/j.cej.2020.126683.
2. Stephanie B.Borrelle, Jeremy Ringma, Kara Lavender Law, Cole C.Monnahan. Predicted growth in plastic waste exceeds efforts to mitigate plastic pollution. *Science*. 2020. Vol.369, No.6510 1515-1518, DOI: 10.1126/science.aba3656.
3. Ngân hàng thế giới. Phân tích về ô nhiễm rác thải nhựa tại Việt Nam. 2022.
4. Law, K. L., N. Starr, T. R. Siegler, J. R. Jambeck, N. J.Mallos, and G. H. Leonard. The United States' contribution of plastic waste to land and ocean. *Science Advances*. 2020. 6(44), eabd0288. doi: 10.1126/sciadv.abd0288.
5. Asia-Europe Foundation. Background on single-use plastic. 2021.
6. Schymanski D, Goldbeck C, Humpf HU, et al. Analysis of microplastics in water by microRaman spectroscopy: Release of plastic particles from different packaging into mineral water. *Water Res*. 2018. 129, 154 – 162, <https://doi.org/10.1016/j.watres.2017.11.011>.
7. Halden, Rolf. Plastics and Health Risks. *Annual review of public health*. 2010. 31, 179 – 194.
8. Ksenia JG, Thomas B, Bethanie CA, et al. Overview of known plastic packaging-associated chemicals and their hazards. *Science of The Total Environment*. 2019; 651: 3253 – 3268, <https://doi.org/10.1016/j.scitotenv.2018.10.015>.
9. Nguyễn Thị Minh Thương, Hoàng Thị Thảo, Nguyễn Thị Minh Trâm và cộng sự. Thực trạng sử dụng đồ nhựa dùng một lần và một số yếu tố liên quan ở người dân thành phố Huế năm 2020, *Tạp chí Y học dự phòng*. 2020. 31(6), 105-113. DOI: 10.51403/0868-2836/2021/381.
10. Vũ Thái Sơn, Nguyễn Thị Hường. Thực trạng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần của người dân tại một Thị trấn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và một số yếu tố liên quan năm 2022. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*. 2022. 63, 218-225, DOI:10.58490/ctump.2023i63.1233.
11. Nguyễn Trường Thành, Phan Kiều Diễm và cộng sự. Nhận thức của cộng đồng về rác thải nhựa ở đồng bằng sông Cửu long: nghiên cứu điển hình tại Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2022. Tập 58, số chuyên đề SDMD (2022), 258-264.

12. Habeena Shaira, Imaad Mohammed Ismail, Nihal Ahmedd, Noorul Zeena, Peer Arooj. Assessment of Knowledge, Attitude and Practice Regarding Single Use plastics among the Residents pf a rural area in a coastal district of Karnataka – A descriptive study. *National Journal of community medicine*. 2020. Volume 11, Issue 2, feb 2020, DOI: <https://doi.org/10.5455/njcm.20200207094558>.
13. Maria Raimondo, Manal Hamam, Mario D'Amico. Plastic-free behavior of millennials: An application of the theory of planned behavior on drinking choices, *Waste Management*. 2022. Volume 138, 253-261, <https://doi.org/10.1016/j.wasman.2021.12.004>.
14. Heide Kerber, Johanna Kramm. From laissez-faire to action? Exploring perceptions of plastic pollution and impetus for action. Insights from Phu Quoc Island, *Marine Policy*. 2022. Volume 137, 104924.

DOI: 10.58490/ctump.2024i80.2995

ĐẶC ĐIỂM ĐIỆN DI HEMOGLOBIN VÀ GEN HỌC Ở BỆNH NHÂN BỆNH HbH TẠI BỆNH VIỆN HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU CẦN THƠ

Đỗ Á Quyên*, Lê Thị Hoàng Mỹ, Nguyễn Hoàng Huy,
Nguyễn Thị Thúy Mai, Võ Hồ Khắc Trung, Phan Hoàng Trí

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: 1953010172@student.ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 29/6/2024

Ngày phản biện: 01/9/2024

Ngày duyệt đăng: 25/9/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Alpha thalassemia là bệnh lý có tỷ lệ lưu hành cao, trong đó thể trung gian, bệnh HbH là thể đem lại nhiều gánh nặng. Điện di hemoglobin là bước đầu trong tiếp cận chẩn đoán và xét nghiệm gen là phương pháp chẩn đoán xác định cũng như phân loại thể bệnh HbH.

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định đặc điểm điện di, đặc điểm gen và mối liên quan giữa chúng với nhau

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu có sự tham gia của 50 bệnh nhân bệnh HbH ở Bệnh viện Huyết học-Truyền máu Cần Thơ không kèm các bệnh lý gây rối loạn chuyển hóa globin. Tất cả bệnh nhân được thực hiện điện di và xét nghiệm gen. **Kết quả:** Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ HbA chiếm $85,51 \pm 8,1\%$, tỷ lệ HbH là $11,32 \pm 7,38\%$. Tỷ lệ HbH có mối tương quan nghịch với số lượng hồng cầu ($r = -0,438$), hemoglobin ($r = -0,356$) và RDW-CV ($r = -0,365$) và tương quan thuận với MCV ($r = 0,547$), MCH ($r = 0,31$) và tỷ lệ hồng cầu lưới ($r = 0,4486$). Tỷ lệ HbH trong nhóm thể mất đoạn ($8,21 \pm 5,24\%$) nhỏ hơn thể không mất đoạn ($15,28 \pm 8,13\%$) với $p = 0,005$. Tỷ lệ HbH cho mức tiên lượng thể đột biến khá tốt với diện tích dưới đường cong là 0,775.

Kết luận: Kết quả điện di hemoglobin cho thấy tỷ lệ HbA giảm nhưng vẫn chiếm chủ yếu, sau đó là HbH. Tỷ lệ bệnh nhân HbH thể không mất đoạn chiếm tỷ lệ khá cao. Tỷ lệ HbH tăng không chỉ phụ thuộc vào số lượng số lượng gen α bị mất mà còn bị ảnh hưởng bởi đột biến điểm.

Từ khóa: Alpha thalssemia, bệnh HbH, điện di hemoglobin, genetic testing.